TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 07-02-2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAV NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngoan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Phúc
Ông Nguyễn Văn Thuận

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 469/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1973;
Địa chỉ: số 141, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Ông Phạm Văn H, sinh năm 1975;
Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.
Ông Phan T, sinh năm 1998;
Địa chỉ: số A, ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Cùng địa chỉ liên hệ: số D, ấp B, xã B1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.
***Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975;
Ông Nguyễn V, sinh năm 1977;
Địa chỉ: số 409, ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, cùng các văn bản tài liệu chứng cứ khác, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Sáng ngày 10/10/2022, ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị M có vay của bà P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, trong hợp đồng có ghi lãi do hai bên tự thỏa thuận, bà P và ôngV, bà M thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, đóng lãi hàng tháng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền có công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Mới. Mục đích vay tiền để kinh doanh. Tuy nhiên, do không đủ tiền kinh doanh nên chiều ngày 10/10/2022, ôngV, bà M tiếp tục vay thêm của bà P 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm, lãi suất thỏa thuận là

2%/tháng, đóng lãi hàng tháng. Hai bên có lập giấy nhận tiền ngày 10/10/2022. Để đảm bảo khoản vay trên, ôngV và bà M có thế chấp cho bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất có diện tích 71.1m^2 thuộc thửa 525, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do bà Nguyễn Thị M đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 15/02/2024, bà M, ôngV tiếp tục vay của bà P số tiền là 80.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hai bên có lập biên nhận.

Đến ngày 07/7/2024, bà M, ôngV tiếp tục vay của bà P số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hai bên có lập giấy biên nhận tiền.

Tổng cộng ôngV và bà M đã vay của bà P 400.000.000 đồng. ÔngV và bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận, từ lúc vay tiền đến nay, ôngV bà M không đóng tiền lãi như đã thỏa thuận và cũng chưa trả tiền gốc cho bà P.

Do đó, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền vay gốc còn nợ là 400.000.000 đồng. Bà P yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền trên theo từng khoản vay cụ thể như sau:

-Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay sáng ngày 10/10/2022, bà P yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng.

-Đối với số tiền 100.000.000 đồng vay chiều ngày 10/10/2022, bà P yêu cầu tính lãi từ ngày 10/10/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.83%/tháng.

-Đối với số tiền 80.000.000 đồng vay ngày 15/02/2024, bà P yêu cầu tính lãi từ ngày 15/02/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1,66%/tháng.

-Đối với số tiền 120.000.000 đồng vay ngày 07/7/2024, bà P yêu cầu tính lãi từ ngày 07/7/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 1,66%/tháng.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre mà ôngV, bà M đã thế chấp, bà P đồng ý trả lại cho ôngV và bà M sau khi ôngV, bà P trả hết nợ cho bà P.

Bị đơn bà M, ôngV đã được tống đạt hợp lệ nhưng ông bà đều vắng mặt không lý do trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và tại phiên tòa. Ông bà cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả các khoản tiền đã vay và tiền lãi. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Các bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bị đơn ôngV, bà M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Bà P khởi kiện yêu cầu ôngV, bà M có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ bà P khởi kiện là: hợp đồng vay tiền ngày 10/10/2022; Giấy nhận tiền ngày 10/10/2022; giấy biên nhận tiền ngày 07/7/2024; biên nhận ngày 15/02/2024 lần lượt có nội dung như sau:

- Hợp đồng vay tiền ngày 10/10/2022 thể hiện: bà Nguyễn Thị M cùng chồng là ông Nguyễn V có vay của bà Trần Thị P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất thỏa thuận, trả tiền vay khi hết thời hạn vay, hợp đồng được công chứng ngày 10/10/2022.

- Giấy nhận tiền ngày 10/10/2022 thể hiện: "ông Nguyễn V, bà Nguyễn Thị M có mượn chị P 100.000.000 đồng, tôi có gửi sổ đất làm lòng tin số thửa đất số 525, diện tích 71,1; trong dòng 02 năm tôi trả tiền lại cho bà Trần Thị P hàng tháng tôi gửi lãi".

- Biên nhận ngày 15/02/2024 thể hiện" "Bên mượn (bên A) Nguyễn Thị M, bên cho mượn (Bên B) Trần Thị P, Bên A có mượn của bên B số tiền 80.000.000 đồng, thời gian mượn kể từ ngày 15/02/2024 đến ngày 15/8/2024 âm lịch, lãi suất hàng tháng là 2%".

-Giấy biên nhận tiền ngày 07/7/2024, thể hiện nội dung : "Bên giao tiền (Bên A bà Trần Thị P; bên nhân tiền (Bên A) Nguyễn V; Bên Ba có mượn bên An số tiền 120.000.000 đồng, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày 07/7/2024 đến ngày 27/7/2024 bên B sẽ hoàn trả cho bên A cả vốn và lãi, lãi suất hàng tháng là 2%".

Như vậy, tổng số tiền vốn ôngV và bà M vay của bà P là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng, gồm ngày 10/10/2022 vay 200.000.000 đồng, ngày 15/02/2024 vay 80.000.000 đồng và ngày 07/7/2024 vay 120.000.000 đồng. Nội dung trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo các hợp đồng vay tiền, giấy nhận tiền, biên nhận tiền thể hiện đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…..trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Đây là các hợp đồng vay tiền có lãi, có thời hạn, các khoản vay trên đều đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận của hai bên. Do đó, việc bà P khởi kiện yêu cầu ôngV, bà M trả lại số tiền vốn gốc đã vay là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định " Lãi suất vay do các bên thỏa thuận, trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay".

- Theo hợp đồng vay tiền ngày 10/10/2022 và giấy nhận tiền ngày 10/10/2022 có ghi có thỏa thuận lãi, lãi đóng hàng tháng, nguyên đơn cho rằng lãi hai bên thỏa thuận miệng là 2%/tháng nhưng trong giấy không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến đối với thỏa thuận lãi này. Do đó, việc nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0.83%/tháng từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với các khoản vay theo biên nhận ngày 15/02/2024 và giấy biên nhận tiền ngày 27/7/2024 thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, tương đương 24%/năm, mức lãi thỏa thuận này của hai bên vượt 2% so với quy định. Việc

nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi cho hai khoản vay ngày 15/02/2024 và ngày 27/7/2024 là 1.66%/tháng (tương đương với 20%/năm) kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357, và Điều 468 Bộ Luật Dân sự nên được chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi tròn tháng, bỏ số ngày lẻ. Tiền lãi được tính như sau:

-Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay ngày 10/10/2022, tính lãi từ ngày 10/10/2022 đến ngày 07/02/2025 là: 100.000.000 đồng x 0.83% x 27 tháng = 22.410.000 đồng.

-Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo biên giấy nhận tiền ngày 10/10/2022, tính lãi từ ngày 10/10/2022 đến ngày 07/02/2025 là: 100.000.000 đồng x 0.83% x 27 tháng = 22.410.000 đồng.

-Đối với số tiền 80.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 15/02/2024 đến ngày 07/02/2025 là: 80.000.000 đồng x 1,66% x 11 tháng = 14.608.000 đồng.

-Đối với số tiền 120.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 07/7/2024 đến ngày 07/02/2025 là: 120.000.000 đồng x 1,66% x 7 tháng = 13.944.000 đồng.

Tổng tiền lãi là 73.372.000 đồng.

Như vậy tổng gốc và lãi ôngV và bà M có nghĩa vụ trả cho bà P là 473.372.000 (bốn trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Ghi nhận bà P không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 08/02/2025 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà P xác định hiện còn đang giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sửu dụng đất số AM 473110 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 11, diện tích 71,1m^2 tọa lạc tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà P đồng ý trả lại cho bà M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi ôngV và bà M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho bà P.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ôngV, bà M có trách nhiệm liên đới nộp án phí là 20.000.000 đồng + (73.372.000 đồng x 4%) = 22.934.880 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 , 469 và Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P.

Buộc ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/02/2025 là 473.372.000 (bốn trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị P có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 473110 do Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm cấp cho bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 525, tờ bản đồ số 11, diện tích 71,1m^2 tọa lạc tại xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Việc trả tiền và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện song song.

[2]. Về án phí: Ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 22.934.880 (hai mươi hai triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi tám) đồng.

[3]. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Ngoan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.